

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 02 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Ty

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, ĐKTT: Thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Thôn 1, xã K, huyện Th, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, ĐKTT: Thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai nguyên đơn là Chị Lương Thị T trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời, cờ bạc phá tán kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi vã. Tháng 11 năm 2011, Anh Nguyễn Hữu Đ bỏ đi biệt tích khỏi nhà, không có tin tức gì; chị và gia đình đã tìm kiếm anh Đ ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Tại Quyết định số 13/2018/QĐDS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố Anh Nguyễn Hữu Đ mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Hữu Đ có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2000 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004. Từ khi anh Đ bỏ đi biệt tích, hai con chung vẫn sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc S cho chị nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Hữu Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định; anh Đ vắng mặt nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lương Thị T. Xử cho Chị Lương Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu Đ. Giao con chung Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004 cho chị Tuyết nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2000 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Lương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn Chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn Anh Nguyễn Hữu Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng, anh Đ vắng mặt. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định Chị Lương Thị T và Anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1999. Trong quá trình chung sống của vợ chồng do có những bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm rạn nứt. Anh Nguyễn Hữu Đ đã bỏ đi biệt tích từ tháng 11 năm 2011, không để lại địa chỉ. Tại Quyết định số 13/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố Anh Nguyễn Hữu Đ mất tích. Nay Chị Lương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu Đ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Chị Lương Thị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Lương Thị T và Anh Nguyễn Hữu Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2000 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004. Từ khi anh Đ bỏ đi biệt tích, các con chung ở cùng Chị Lương Thị T. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc S cho chị tiếp tục nuôi dưỡng; con chung Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, Anh Nguyễn Hữu Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên quan điểm của chị T về việc nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Nếu sau này anh Đ trở về và các đương sự có yêu cầu về vấn đề con chung, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Đ đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không có quan điểm. Nếu sau này anh Đ trở về và có yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Lương Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo của các đương sự:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các điều 51, khoản 2 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho Chị Lương Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Xử: Giao con chung Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2004 cho Chị Lương Thị T nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không xem xét giải quyết. Con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2000 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước, chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương (Biên lai thu tiền số 0015448 ngày 04 tháng 12 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh

